



LUẬT

THUẾ

LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG
LUẬT THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT
CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

LUẬT THUẾ

*** LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN**

*** LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

*** LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

*** LUẬT THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT**

CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH

LUẬT THUẾ

*** LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN**

*** LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

*** LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

*** LUẬT THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT**

CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

LUẬT THUẾ

- * LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN**
 - * LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**
 - * LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG**
 - * LUẬT THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT**
- CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH**

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Thị trấn Phố Mới, ngày 11 tháng 12 năm 2014

Số: 12/VBHN-VPH

Luật này quy định về đối tượng nộp thuế thu nhập

thu nhập, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân

thu nhập, thuế thu nhập cá nhân

THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

Điều 2. Đối tượng nộp thuế

Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12

ngày 21 tháng 11 năm 2007 của Quốc hội, có hiệu lực

kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, được sửa đổi, bổ

sung một số điều, có hiệu lực từ ngày 01

tháng 7 năm 2013;

Luật số 7/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm

2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của

Luật thuế thu nhập cá nhân, có hiệu lực kể từ ngày 01

tháng 01 năm 2015.

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ

nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung

một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10,

Quốc hội ban hành Luật thuế thu nhập cá nhân

số 36/2006/QH12, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01

năm 2007.

Luật này quy định về đối tượng nộp thuế thu nhập

thu nhập, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân

thu nhập, thuế thu nhập cá nhân

thu nhập, thuế thu nhập cá nhân

thu nhập, thuế thu nhập cá nhân

MỤC LỤC

Trang

LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

5

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	7
Điều 2. Đối tượng nộp thuế	7
Điều 3. Thu nhập chịu thuế	8
Điều 4. Thu nhập được miễn thuế	11
Điều 5. Giảm thuế	13
Điều 6. Quy đổi thu nhập chịu thuế ra Đồng Việt Nam	14
Điều 7. Kỳ tính thuế	14
Điều 8. Quản lý thuế và hoàn thuế	15
Điều 9. Áp dụng điều ước quốc tế	15

Chương II

CĂN CỨ TÍNH THUẾ ĐỐI VỚI CÁ NHÂN CƯ TRÚ

Mục 1. XÁC ĐỊNH THU NHẬP CHỊU THUẾ VÀ THU NHẬP TÍNH THUẾ

Điều 10. Thuế đối với cá nhân kinh doanh	16
Điều 11. Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công	17

Điều 12. Thu nhập chịu thuế từ đầu tư vốn	17
Điều 14. Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản	18
Điều 15. Thu nhập chịu thuế từ trúng thưởng	18
Điều 16. Thu nhập chịu thuế từ bản quyền	19
Điều 17. Thu nhập chịu thuế từ nhượng quyền thương mại	19
Điều 18. Thu nhập chịu thuế từ thừa kế, quà tặng	19
Điều 19. Giảm trừ gia cảnh	20
Điều 20. Giảm trừ đối với các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo	21
Điều 21. Thu nhập tính thuế	22

Mục 2. BIỂU THUẾ

Điều 22. Biểu thuế lũy tiến từng phần	23
Điều 23. Biểu thuế toàn phần	24
Điều 24. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trả thu nhập và trách nhiệm của đối tượng nộp thuế là cá nhân cư trú	24

Chương III

CĂN CỨ TÍNH THUẾ ĐỐI VỚI CÁ NHÂN KHÔNG CƯ TRÚ

Điều 25. Thuế đối với thu nhập từ kinh doanh	25
---	----

Điều 26. Thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công	26
Điều 27. Thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn	27
Điều 28. Thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn	27
Điều 29. Thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	27
Điều 30. Thuế đối với thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại	27
Điều 31. Thuế đối với thu nhập từ trúng thưởng, thừa kế, quà tặng	28
Điều 32. Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế	28
Điều 33. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trả thu nhập và trách nhiệm của đối tượng nộp thuế là cá nhân không cư trú	29

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Hiệu lực thi hành	30
Điều 35. Hướng dẫn thi hành	31

**VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 14/VBHN-BTC
NGÀY 26/5/2015 CỦA BỘ TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU
CỦA LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN VÀ LUẬT SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN**

LUẬT

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

77

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	79
Điều 2. Người nộp thuế	79
Điều 3. Thu nhập chịu thuế	81
Điều 4. Thu nhập được miễn thuế	83
Điều 5. Kỳ tính thuế	86

Chương II

CĂN CỨ VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ

Điều 6. Căn cứ tính thuế	86
Điều 7. Xác định thu nhập tính thuế	86
Điều 8. Doanh thu	87
Điều 9. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	88
Điều 10. Thuế suất	91
Điều 11. Phương pháp tính thuế	92
Điều 12. Nơi nộp thuế	93
Điều 13. Ưu đãi về thuế suất	93
Điều 14. Ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế	100
Điều 15. Các trường hợp giảm thuế khác	103
Điều 16. Chuyển lỗ	103

Điều 17. Trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp	104
---	-----

Điều 18. Điều kiện áp dụng ưu đãi thuế	106
---	-----

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	107
----------------------------	-----

Điều 19. Hiệu lực thi hành	109
-----------------------------------	-----

Điều 20. Hướng dẫn thi hành	110
------------------------------------	-----

VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 09/VBHN-BTC NGÀY 07/5/2018 CỦA BỘ TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	111
---	-----

LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	191
---------------------------------------	-----

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	193
-----------------------------------	-----

Điều 2. Thuế giá trị gia tăng	193
--------------------------------------	-----

Điều 3. Đối tượng chịu thuế	194
------------------------------------	-----

Điều 4. Người nộp thuế	194
-------------------------------	-----

Điều 5. Đối tượng không chịu thuế	194
--	-----

Chương II CĂN CỨ VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ

Điều 6. Căn cứ tính thuế	201
---------------------------------	-----

Điều 7. Giá tính thuế	201
------------------------------	-----

Điều 8. Thuế suất	204
Điều 9. Phương pháp tính thuế	207
Điều 10. Phương pháp khấu trừ thuế	207
Điều 11. Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng	209

Chương III

KHẤU TRỪ, HOÀN THUẾ

Điều 12. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào	210
Điều 13. Các trường hợp hoàn thuế	213
Điều 14. Hóa đơn, chứng từ	216

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành	218
Điều 16. Hướng dẫn thi hành	219

VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 06/VBHN-BTC	
NGÀY 04/4/2017 CỦA BỘ TÀI CHÍNH	
HỢP NHẤT NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN	
THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	220

LUẬT	
THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT	273

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	275
Điều 2. Đối tượng chịu thuế	275
Điều 3. Đối tượng không chịu thuế	277
Điều 4. Người nộp thuế	278

Chương II

CĂN CỨ TÍNH THUẾ

Điều 5. Căn cứ tính thuế	279
Điều 6. Giá tính thuế	279
Điều 7. Thuế suất	282

Chương III

HOÀN THUẾ, KHẤU TRỪ THUẾ, GIẢM THUẾ

Điều 8. Hoàn thuế, khấu trừ thuế	287
Điều 9. Giảm thuế	288

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành	290
Điều 11. Hướng dẫn thi hành	290

VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 26/VBHN-BTC NGÀY 23/4/2019 CỦA BỘ TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT VÀ LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

291